

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **294/2024/DS-ST**

Ngày: 19/12/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 483/2024/TLST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 2025/2024/QĐST-DS ngày 25/11/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đồng Thanh L, sinh năm 1989

Địa chỉ: A, A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn Ú, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số A đường N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2024.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần Vũ A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 1, tổ C, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông Ú có đơn xin vắng mặt; ông A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và vay mượn nhiều lần, ngày 24/11/2023, ông Đồng Thanh L và ông Nguyễn Trần Vũ A đã ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C, nội dung: ông L cho ông A vay số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất do các bên thỏa thuận. Ông L đã giao đủ số tiền cho ông A, với số tiền 1.477.500.000đ bằng tiền mặt và 22.500.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Sau khi vay tiền, ông A đã thanh toán cho ông L số tiền 100.000.000đ, sau đó không tiếp tục thanh toán nữa. Ông L đã nhiều lần yêu cầu ông A thanh toán số tiền 1.400.000.000đ nhưng ông A đến nay vẫn không thanh toán tiền cho ông L.

Nay, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A thanh toán cho ông L số tiền nợ gốc 1.400.000.000đ và tiền lãi từ ngày 25/11/2023 đến ngày 19/12/2024 (12 tháng 24 ngày) với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: $1.400.000.000đ \times 10\%/năm \times 12 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 149.205.479đ$ và tiếp tục thanh toán lãi đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Thanh L, buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ A phải trả cho ông L số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/11/2023 đến ngày 19/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm và tiếp tục thanh toán lãi đến khi thanh toán xong nợ.

Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đồng Thanh L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trần Vũ A phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng vay tiền ngày 24/11/2023. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Mai Văn Ú có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Trần Vũ A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Đồng Thanh L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ A phải trả cho ông L số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính hợp đồng vay tiền ngày 24/12/2023 công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2199.

Xét thấy, ông Đồng Thanh L có quan hệ vay mượn tiền với ông Nguyễn Trần Vũ A. Theo hợp đồng vay tiền ngày 24/12/2023, ông A vay của ông L số tiền 1.500.000.000đ, tại giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của ông L và ông A, được công chứng viên xác nhận. Sau khi vay, ông L đã yêu cầu ông A thanh toán tiền nhưng ông A chỉ thanh toán được số tiền 100.000.000đ sau đó đến nay ông A vẫn không tiếp tục thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông A và được Công an phường T cung cấp thông tin: Ông Nguyễn Trần Vũ A, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 13/18, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên từ tháng 10/2023 ông A đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không biết. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thông báo về việc giải quyết vụ án đối với ông A trên Đài Tiếng nói Việt Nam – Cơ quan thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh phát sóng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, đăng thông báo tại B 03 ngày liên tiếp và đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đồng thời nhiều lần niêm yết triệu tập ông A đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối

với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy xem như ông A đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên,... khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Từ khi vay tiền, ông L đã yêu cầu ông A thanh toán nợ nhưng ông A chỉ thanh toán được số tiền 100.000.000đ sau đó không tiếp tục thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc ông A thanh toán cho ông L số tiền gốc đã vay 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

- Về tiền lãi: Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Tại hợp đồng vay tiền ngày 24/11/2023 các bên thỏa thuận: Lãi suất vay do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Tại đơn khởi kiện, ông L yêu cầu ông A thanh toán tiền lãi từ ngày 25/11/2023 với mức lãi suất 10%/tháng. HĐXX nhận thấy, tại hợp đồng vay tiền, các bên có thỏa thuận về việc thanh toán lãi, tuy nhiên ông A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi cho ông L là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc ông A thanh toán lãi là có cơ sở chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi: $1.400.000.000đ \times 10\%/năm \times 12 \text{ tháng} = 168.000.000đ$ (một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Tổng cộng số tiền ông A phải thanh toán cho ông L là 1.568.000.000đ (một tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu đồng).

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.476.164đ

$(36.000.000đ + (1.549.205.479đ - 800.000.000đ) \times 3\%)$. Hoàn trả cho ông L tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Thanh L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ A.

Buộc ông Nguyễn Trần Vũ A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đồng Thanh L số tiền 1.549.205.479đ (một tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ năm ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày 20/12/2024, ông Nguyễn Trần Vũ A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng. Nguyên đơn đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trần Vũ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.476.164đ (Năm mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng). Hoàn trả cho ông Đồng Thanh L số tiền 27.875.000đ (hai mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 03660 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy